

TRẦN-TRỌNG-KIM

# 加臨

TOÀN BỘ

TÂN-VIỆT

LỆ-THẦN  
TRẦN TRỌNG KIM

儒 教  
**NHO-GIÁO**

THƯỢNG-CỔ THỜI-ĐẠI — XUÂN-THU THỜI-ĐẠI —  
KHÔNG-TỬ-HỌC-THUYẾT CỦA KHÔNG-TỬ-NHỮNG  
SÁCH CỦA KHÔNG-TỬ — MÔN-ĐỆ KHÔNG-  
TỬ — CHIẾN-QUỐC THỜI-ĐẠI — MẠNH-TỬ —  
TUÂN-TỬ — CUỐI ĐỜI CHIẾN-QUỐC VÀ ĐỜI NHÀ  
TẦN — THỜI-KỶ TRUNG-SUY CỦA NHO-GIÁO

**QUYỀN THƯỢNG**

In lần thứ tư

*Sửa lại rất cẩn-thận*



子  
之  
論  
語  
以

**TÂN VIỆT**

SAIGON — VIỆT-NAM

## MỤC-LỤC

	TRANG
TỰA . . . . .	IX - X
LỜI PHÁT ĐOAN . . . . .	XI-XXXIII
THIÊN I.— Thượng-cổ thời-dại . . . . .	37 - 48
THIÊN II.— Xuân-thu thời-dại — Khổng-tử . . . . .	49 - 66
THIÊN III.— Học-thuyết của Khổng-tử . . . . .	
A) Hình-nhi-thượng học . . . . .	67 - 104
THIÊN IV.— B) Hình-nhi-hạ học . . . . .	105 - 184
THIÊN V.— Những sách của Khổng-tử . . . . .	185 - 199
THIÊN VI.— Môn-dệ Khổng-tử . . . . .	200 - 203
THIÊN VII.— Chiến-quốc thời-dại . . . . .	
Các học-phái của Nho-giáo. . . . .	204 - 218
THIÊN VIII.— Mạnh-tử . . . . .	219 - 259
THIÊN IX.— Tuân-tử . . . . .	260 - 337
THIÊN X.— Cuối đời Chiến-quốc và đời nhà Tần. Thời-kỳ Trung-suy của Nho-giáo. . . . .	338 - 353

## TỰA

Một cái nhà cổ rất đẹp, lâu ngày không ai sửa-sang, để đến nỗi bị cơn gió-bão đánh-đổ bẹp xuống. Những người xưa nay vẫn ở cái nhà ấy, ngo-ngác không biết làm thế nào. Dầu có muốn dựng lại, cũng không dựng được, vì người không có mà của cũng không. Và thời-thế đã xoay-vàn, cuộc đời biến-đổi, người trong nước đang hào-hức về sự bỏ cũ theo mới, không ai nghĩ gì đến cái nhà cổ ấy nữa. Song cái nhà cổ ấy tự nó là một bảo-vật vô giá, không lẽ để đổ-nát đi, mà không tìm cách giữ lấy di-tích. Không gì nữa, thì ta cũng về lấy cái bản-đồ để người đời sau biết rằng cái nhà ấy khi xưa đẹp-đẽ là thế, mà sau đổ-nát là thế. Ấy cái tinh-cảnh văn-hóa của Nho-giáo hiện thời bây giờ cũng như cái nhà cổ ấy vậy.

Việc làm quyển sách nói về Nho-giáo tức là việc về lấy cái bản-đồ của Nho-giáo. Đáng lẽ là việc của những người đã sinh-trưởng trong cái không-khí Nho-giáo, đã tiêm-nhiễm cái tinh-thần Nho-giáo. Nhưng khốn thay, người đời lãnh-đạm, ai nấy thấy cái học cũ đã đổ thì thôi, không ai lưu ý đến nữa. Vậy nên chúng tôi vì chút lòng hoài cổ, không quản sự khó-khăn, không sợ việc to-lớn, đem cái sức nhỏ-mọn mà tự nhận lấy việc làm sách này, đem ngày tìm-kiếm, nghĩ-ngợi, cố tả cho rõ cái chân-tướng của Nho-giáo, để họa may có bổ-ích cho sự học của người mình được chút nào chăng. Dầu tả không được đúng cái chân-tướng ấy cho lắm, nhưng cũng là một việc làm để giữ lấy di-tích về sau. Chúng tôi nghĩ như thế, cho nên phải gắng sức tạm nhận lấy cái gánh nặng, chủ-đích là để cho những kẻ hậu-học sau này, ai muốn biết cái tinh-thần của xã-hội ta khi xưa bởi đâu mà sinh ra, và cái tinh-thần ấy về sau tại làm sao mà hư-hỏng đi. Tưởng đó là một điều rất mật-thiết đến việc học ngày nay. Vì rằng việc tiến-hóa của một dân-tộc không phải là chỉ cần lấy học cho biết cái biết của người mà thôi, lại cần phải biết rõ những cái của mình đã có, để đem dung-hóa cái mới với cái cũ mà gây thành cái tinh-thần mới, có thể thích-hợp với hoàn-cảnh của mình, thích-hợp với trình-độ và tâm-tính của mình. Đó là sự mong-mỏi của chúng tôi, tấm lòng thành-thực cứ đĩnh-ninh như thế vậy.

Đã nói rằng quyển sách này tựa như cái bản đồ vẽ cái nền Nho-giáo cũ, thì dấu hay dở thế nào mặc lòng, cốt nhất là phải vẽ cho đúng. Vậy nếu trong sách này chúng tôi thường trích-lục những lời nguyên-văn của thánh-hiền đã ghi-chép trong các Kinh Truyện cùng những điều của tiên-nho lưu-truyền ở trong các sách-vở, đem phiên-dịch ra quốc-âm cho rõ-ràng, để làm minh-chứng cho cái học-thuyết của Nho-giáo. Còn những lời nghị-luận, thì chúng tôi vẫn cố giữ thái-độ khách-quan mà nói, chứ không theo ý riêng mà làm mờ-tối mất sự thực. Gián, hoặc có điều gì không được chính-đáng, ấy cũng là xuất ư ý ngoại, xin độc-giả thể tình mà dung-thứ cho.

Trước khi đem xuất-bản quyển sách này, chúng tôi xin có lời cảm tạ hai ông bạn là ông Phó-băng Bùi Kỳ và ông Cử Trần Lê-Nhân đã giúp-đỡ chúng tôi trong khi khảo-cửu, thường gặp những chỗ khó hiểu, cùng nhau bàn-bạc được rõ hết mọi ý-nghĩa.

Làm quyển sách này, bản-ý của chúng tôi là mong bày-tỏ được cái đạo của thánh-hiền ra, dầu mất bao nhiêu công-phu cũng không ngại, miễn là được thỏa tâm lòng lạc đạo thì thôi, trước sau chỉ một niềm cung tận tụy về việc học. Ước-ao rằng cái công-phu này không đến nỗi bỏ uổng vậy.

Trần trọng Kim

## LỜI PHÁT ĐOAN

Thường những công-cuộc của người ta đã thiết-lập ra là bao giờ cũng phải có cái tinh-thần và cái hình-thức. Tinh-thần là phần linh-hoạt ở trong, mà hình-thức là phần hiển-hiện ra ngoài. Hai phần ấy phải điều-hòa với nhau, phải nương-tựa vào nhau thì mới hoàn-toàn được. Thi-dụ : Lễ thì phải có kinh là tinh-thần, mà nghi-tắc là hình-thức ; nhạc là phải có hòa là tinh-thần, mà chuông-trống là hình-thức. Nếu có lễ mà không có nghi-tắc thì biết thế nào là lễ ; có nhạc mà không có chuông-trống thì lấy gì làm nhạc. Hoặc là dùng lễ có đủ nghi-tắc mà không có kinh, dùng nhạc có đủ chuông-trống mà không có hòa, thì lễ và nhạc chỉ là hư-vấn mà thôi, không có nghĩa-lý gì cả. Một học-thuyết, một tông-giáo cũng vậy, nếu trong hai phần ấy mà người ta chỉ chuyên-trọng về một phần nào, thì phần kia tất phải hư-hỏng mà dấu việc hay đến đâu rồi cũng hóa ra dở.

Nước Việt-nam ta xưa kia tôn-sùng Nho-giáo, cho là chính-đạo độc tôn. Luân-lý, phong-tục, chính-trị, bất cứ việc gì cũng lấy Nho-giáo làm cốt. Nhưng vì những người theo Nho-học xưa nay thường hay trọng cái hình-thức bề ngoài thái quá, để đến nỗi cái tinh-thần sai-lầm đi mất nhiều. Cách học-tập của người mình lại chỉ vụ lấy tư-chương, chuyên về khoa-cử để làm cái thang lợi-danh. Vậy nên học-thuyết của Khổng-Mạnh càng ngày càng hư-hỏng, thành ra chỉ có danh mà không có thực.

Những người học-thức trong nước mà trí-lự hẹp-hòi, tinh-thần kém-cỏi thì nhân-chúng tiến-hóa làm sao được ?

Và số nhiều người mình lại cứ quen một mặt thuận-thụ, theo cái khuôn nhất-định của tiền-nhân để lại. Việc phải-trái hay-dở thế nào, cũng chỉ ở trong cái khuôn đó, chứ không chệch ra ngoài được, sự phê-bình phán-đoán càng ngày càng hẹp lại, không biết còn có tư-tưởng gì khác nữa mà so-sánh cái hơn, cái kém, thành ra như giống sên, giống ốc, cứ yện phận nằm trong cái vỏ cứng không thay-đổi được gì cả. Phàm những sự-vật, bất cứ sự-vật gì, hễ không thay-đổi là hư-hỏng. Đến khi thời-thế biến-đổi, bỗng chốc có cái tư-tưởng mới, cái thế-lực khác tràn vào, mà nhất là cái thế-lực ấy lại mạnh hơn và hoạt-động hơn, thì làm thế nào mà đứng được? Người trong nước lúc ấy như đang ngủ mê, thức giấc dậy, ngờ-ngác không biết xoay-xở ra thế nào. Lúc đầu còn tìm cách kháng-cự lại, sau thấy càng cự-cay bao nhiêu lại càng bị đè bẹp xuống bấy nhiêu, thế bất-đắc-dĩ mới đành chịu bẹp. Dần dần tỉnh ra, thấy người ta phú-cường lâm-liệt, mà mình thì cứ suy-nhược mãi đi, rồi lại thấy thiên-hạ ai biết bỏ cũ theo mới thì cũng được cường-thịnh, bấ giờ mới khởi-xướng lên việc bắt-chước người ta mà thay-đổi mọi đường. Trừ những người có quyền-lợi riêng, không muốn thay-đổi, cố bâu lấy cái vỏ cũ để cho toàn danh-phận, hoặc những người nghèo-khổ ngu-dại ở chỗ thôn-dã, mờ-mờ, mịt-mịt, chẳng biết việc đời là việc chi chi, còn ai đã hơi có kiến-thức một đôi chút, là đánh trống khua mõ, rủ nhau làm những việc cải-cách trong nước. Ai cũng yện tri rằng cái văn-hóa cũ của mình không ra gì, cho nên xã-hội mình mới suy-đổi, thì chi bằng đem bỏ cả đi mà theo cách duy-tân. Từ đó mới gây thành phong-trào bỏ cũ theo mới. Cái phong-trào ấy mỗi ngày một mạnh, đến nỗi mới độ vài ba-mươi năm nay, mà cái tinh-thần văn-hóa cũ của ta đã mai-một đi mất nhiều lắm rồi. Thậm chí những nhà dòng-dôi thi-lễ, trước còn không chịu theo tân-học, nay lại tự mình bài-bác các cái học cũ kịch-liệt hơn những người thường.

• Có một điều nên lấy làm lạ, là tại sao một cái học-thuyết mà mình đã sùng-thượng hơn hai nghìn năm nay, và đã duy-tri xã-hội mình từ thượng-cổ đến bây giờ, mà bỗng chốc đổ-nát chóng như thế. Thiết-tưởng ta có thể tìm cái

duyên-do bởi từ đâu mà ra, và xét-xem cuộc biến-đổi ngày nay hay-dở thế nào.

Duyên-do sở dĩ tại làm sao mà người mình bỏ cái học cũ chóng như thế, là bởi nhiều lẽ, ta có thể phân-giải được như sau này: nguyên từ xưa trong nước chỉ trọng nghề văn-học, lấy khoa-cử mà cất-nhất người lên làm quan làm tư. Khoa-cử lại chỉ lấy Nho-giáo làm cốt, chứ không có cái học gì khác nữa. Trong nước thì công-nghệ không có, thương-mại không ra gì, trừ cái nghề đi học để thi đỗ làm quan ra, thì chỉ có nghề canh-nông là cái thực-nghiệp của dân. Dân làm ruộng ở nhà quê, thường lại là người hèn-hạ, phải chịu sưu-thuế và việc vua việc quan, đầu tắt mặt tối, không có quyền-lợi gì. Vậy nên ai là người có thiên-tư hơi khá một tí, muốn chiếm được chút địa-vị tôn-quít trong xã-hội thì chỉ có nghề đi học. Mà sự học của ta ngày trước tuy nói chuyên-trị các Kinh Truyện của thánh-hiền, nhưng kỳ thực chỉ mài-miét làm câu văn cho hay, nhớ chữ sách cho nhiều, và biết cho đủ lễ-lối để đi thi được đỗ. Khi đã đỗ rồi là người hiển-đạt, có danh-vọng trong làng, trong nước. Vậy nên ai cũng đua nhau về việc học. Đến nay thời-cực đã biến-đổi, khoa-cử bỏ đi rồi, sự học cũ không phải là cái cầu ở con đường sĩ-hoạn nữa, thì Kinh Truyện xếp lại một chỗ, mà đạo thánh-hiền cũng chẳng ai nhắc đến nữa. Đạo Nho kết-quả đến đó cơ-hồ sắp hết vậy.

Song đó mới là cái thế-lực bề ngoài, còn về phần thâm-thúy ở trong, thì một dân chuyên làm nghề canh-nông như dân ta, là chỉ vụ lấy sự hòa-bình, cốt thế nào cho ở trong nhà cha hiền con thảo, anh nhường em kính, ra ngoài đối với mọi người thì cần lấy lễ-nghĩa để sự giao-thiệp được êm-ái hòa-nhã là đủ. Việc cư-xử làm ăn chỉ chú ở cách giản-dị, không muốn có điều gì khó-khẩn, miễn là được an-nhàn thì thôi. Ấy là thái-độ rất thích-hợp với tinh-cách hiếu-tĩnh, không hiếu-động của phần nhiều người mình. Việc chính-trị cũng vậy, vua quan không ai muốn những sự phiền-phức, sợ làm nhiều dân. Phàm cử-chỉ hành-động, cái gì cũng muốn thông-thả ung-dụng cho ra cái cảnh-tượng thái-bình, bởi thế cho nên sự cần-dùng rất ít, mà sự tiến-hóa

cũng không có gì, chỉ cần theo cái luân-lý của Nho-giáo, để giữ lấy cái nền hiểu-nghĩa trung-tin, cốt cho xã-hội được yên-trị thì thôi. Nay cái phong-trào tân-học mạnh lên, người ta ai cũng đua nhau tranh khôn tranh khéo, để chiếm giữ lấy quyền-lợi, chứ không chuộng nề ng điều đạo-đức, nhân-nghĩa cho lắm. Người mình trông thấy thế, tưởng rằng giữ cái thái-độ cũ không được, phải theo thời mà biến-đổi, cho cái văn-hóa cũ là dở, muốn trừ-bỏ đi, để theo cái văn-hóa mới cho kịp người ta. Cái văn-hóa cũ của ta nhân thế mà mai-một chóng lên mấy phần.

Trong khi những thân-sĩ trong nước háo-hức muốn bỏ cũ theo mới như thế, bọn thiếu-niên tân-học, phần thì thấy những bậc phụ-huynh chê-bại cái học cũ của mình, phần thì không biết rõ cái tinh-thần cái học ấy hay-dở thế nào, chỉ thấy lắm điều câu-thức khó chịu, lại càng đem lòng khinh-bĩ văn-hóa cũ hơn nữa, cho là hủ-bại, không thích-hợp với cảnh-ngộ đương thời. Lại gia dĩ bọn ấy khi-huyết đang hăng, đang thích những sự tự-do bình-đẳng v. v .. và lại được theo lối tân-học, sự tri-thức rộng hơn gấp mấy phần những người cựu-học, cho nên không ai ngờ có cái hay, cái tốt của sự học cũ ngày trước mà đoái-hoài đến nữa. Bọn thiếu-niên ấy ai đi học đã thành-đạt rồi, đều chiếm được cái địa-vị, dẫu thế nào mặc lòng, cũng đủ làm cho nhân-chúng qui-trọng. Bởi vậy cho nên người trong nước ai có con em cũng cố cho theo đòi chút tân-học, để hòng đường lập nên danh-phận. Đã hay rằng cách sinh-nhai ở đời không thể không được, nhưng đó cũng là một cái căn-do làm cho chóng mất cái văn-hóa cũ vậy.

Lại còn một lẽ nữa làm cho người ta ai cũng muốn bỏ chóng hết cái lưu-tệ của văn-hóa cũ, là theo học-thuyết của Nho-giáo thì phán ra tôn-ti trật-lự rất nghiêm. Ai đã được giữ cái địa-vị tôn-qui ở trên, thì có quyền được bắt người ti-hạ ở dưới phải kính-trọng mà phục-tùng mình. Song phải cần một điều là người trên phải có tài-đức xứng-đáng, ai cũng kính-phục, thì cái trật-lự ấy dẫu tôn-nghiêm thế nào, người ta cũng không ai ta-thán. Nếu tài-đức người trên mà không đủ làm cho người ta kính-phục nữa,

thì càng giữ trật-lự ấy bao nhiêu, người ta lại càng cho là trật-lự và khó chịu bấy nhiêu. Nhất là ở vào thời-đại này, mới cũ chưa rõ hẳn ra thế nào, nhiều người ngờ rằng cái trật-lự cũ làm ngăn-trở cho sự tiến-hóa, cho nên muốn bỏ đi, để theo cái mới, họa may có được phần hay hơn chẳng. Bởi thế cái lòng muốn thay-đổi lại càng mạnh lắm vậy.

Đại để những căn-do làm cho văn-hóa cũ của ta chóng mai-một đi như ta đã trông thấy ngày nay, là cứ như thiên-kiến thì bởi có bấy nhiêu lẽ mà thôi.

Xét ra cho kỹ, sự bỏ cũ theo mới của ta hiện thời bây giờ, không phải là không cần-cấp, nhưng vì người mình nông-nổi, không suy-nghĩ cho chín, chưa gì đã đem phá-hoại cả đi, thành thử cái xấu, cái dở của mình thì vị tất đã bỏ đi được, mà lại làm hỏng mất cái phần tinh-t túy đã giữ cho xã-hội của ta được vững-bền hàng mấy nghìn năm nay. Phàm người ta muốn bỏ cái cũ đã hàm-nát, tất là phải có cái mới tốt hơn, đẹp hơn, để thay vào. Nay ta chưa có cái mới mà đã vội-vàng bỏ cái cũ đi, thành ra đồ-nát cả, mà không có cái gì thay vào được. Ấy là cái tình-trạng nước ta ngày nay là thế, khác nào như chiếc thuyền đi ra giữa biển, đánh mất địa-bàn chỉ-nam, không biết phương-hướng nào mà đi cho phải đường, cứ lênh-đênh mãi, không khéo lại bị sóng gió va vào đá vỡ tan mất cả. Đó là điều ta nên biết để tìm cách mà chữa lại được chút nào chẳng.

Ngày nay ta sở dĩ ngờ-ngác, không biết đi về đường nao cho phải, không biết bầu-víu vào đâu để làm cốt về đường lý-tưởng là vì ta bỏ mất cái lòng tin-ngưỡng. Xưa kia ta sùng-bái đạo Nho, tin rằng cái tông-chỉ đạo ấy hay hơn cả, dẫu đem ra thực-hành không được hoàn-toàn, nhưng vẫn cho là học chưa đến, chứ không ai cho là đạo không hay. Đến nay vì thời-thế biến-đổi, cái văn-hóa của Âu-tây tràn sang, cách cư-xử, sự hành-động đều bị cái thế-lực mới đổi khác cả đi, người ta thì cường-thịnh và khôn-ngoan đủ điều, mà mình thì suy-nhược và thua-kém mọi đường. Nhất là về đường vật-chất, mình so-sánh với người, hơn kém khác nhau xa lắm. Người mình trông thấy thế, không xét-xem sự

kém-hèn của mình bởi đâu mà ra, vội-vàng bỏ những đứu xưa nay mình vẫn tin-ngưỡng mà bắt-chước cái mới của người ta.

Tính bắt-chước vốn là tính tự-nhiên của loài người, dẫu ở nước nào cũng thế cả. Nhưng giá ta có sẵn cái tinh-thần tốt rồi, chỉ bắt-chước lấy những điều có bổ-ích thêm cho tinh-thần ấy thì thật là hay lắm. Chỉ hiềm vì mình để cái tinh-thần của mình hư-hỏng đi, mà lại mong bắt-chước sự hành-động của người ta, thì sự bắt-chước ấy lại làm cho mình dở hơn nữa. Vì đã gọi là bắt-chước là chỉ bắt-chước được cái hình-thức bề ngoài mà thôi, còn cái tinh-thần ở trong, phi lâu ngày nhiễm lấy được mà hóa đi, thì khó lòng mà bắt-chước được. Thành thử bao nhiêu những sự bắt-chước của mình chỉ là làm loạn cả tính-tình, tư-tướng và phong-tục của mình. Có lắm người vọng tưởng rằng mình cố bắt-chước được người ngoài, là mình làm điều có ích cho sự tiến-hóa của nòi-giống mình. Không ngờ rằng sự bắt-chước vội-vàng quá, không suy-nghĩ cho chín, lại thành cái độc gây ra các thứ bệnh cho xã-hội của mình. Đó là một điều lầm-lỗi của số nhiều những người tân-học thời nay. Mà sự lầm-lỗi ấy chỉ mỗi ngày là một thêm ra chứ không bớt đi được.

Mỗi một dân-tộc có một cái tinh-thần riêng, cũng như mỗi cây có cội-rễ ăn sáu-xa xuống dưới đất. Hễ cây nào cội-rễ tốt, hút được nhiều khí-chất thì cành lá rườm-rà, cây nào cội-rễ xấu, hút không đủ khí-chất để nuôi các phần thân-thể thì tất là cành lá còi-cọc đi. Tinh-thần của một dân-tộc cũng vậy, gây thành từ đời nào không thể biết được, lưu-truyền mãi mãi mới thành ra kết-quả ngày nay. Dân-tộc nào cường-thịnh là vì đã biết giữ cái tinh-thần của mình được tươi-tốt luôn; dân-tộc nào suy-nhược là vì đã để cái tinh-thần hư-hỏng đi, không biết tìm cách mà nuôi nó lên. Nay ta muốn biết tại làm sao mà phương Tây phú-cường, phương Đông suy-nhược, thì tưởng ta phải biết rõ cái tinh-thần Nho-giáo và cái tinh-thần Tây-học khác nhau thế nào.

Văn-hóa của Nho-giáo chủ ở sự theo thiên-lý mà lưu-hành, cốt giữ cái tinh-cảm cho hậu, trọng những điều đạo-

đức, nhân-nghĩa, ưa cái tình chất-phác và những việc giản-dị. Bởi thế cho nên cái tinh-chất người mình hay trì-thủ, thích sự yên-lặng, chỉ vụ lấy được hòa-bình mà sinh-hoạt ở đời. Cái văn-hóa ấy rất thích-hợp với cái tính-tình của những dân-tộc chuyên nghề canh-nông như dân-tộc ta Văn-hóa phương Tây chủ ở sự theo nhân-dục mà hành-động, cốt lấy sự mở-mang nhân-trí làm trọng, dùng lý-trí mà suy-xét mọi điều, để tìm cách ngăn-ngừa những cái thế-lực tự-nhiên, lập thành một cuộc sinh-hoạt rất hùng-cường. Bởi vậy các môn khoa-học rất thịnh-hành, nhân-dân chuộng những điều tri-xảo, số nhiều người tài giỏi khôn-ngouan, mà ai cũng muốn sự hoạt-động mạnh-mẽ. Cái văn-hóa ấy thích-hợp với tính-tình của những dân-tộc chuyên về việc công-nghệ và việc thương-mại. Văn-hóa của Nho-giáo thì có thể làm cho đời người tuy không được rục-rỡ chói-lọi cho lắm, nhưng thường làm cho người ta có cái sinh-thú rất hay. Văn-hóa phương Tây thì làm thành cuộc đời rất mỹ-lệ, tài-trí đều mở-mang, cái gì cũng theo qui-cử xếp-đặt thành ra cơ-thể chắc chắn vững-vàng. Nhưng cũng vì thế mà sự cần-dùng càng ngày càng thêm ra, sự cạnh-tranh rất kịch-liệt, sự sinh-hoạt có lắm điều phiền-phức, nhân-sinh hình như lúc nào cũng chật-vật vất-vả, không mấy khi trong bụng được nhân-hạ thư-thái.

Hai cái văn-hóa ấy thật là tương-phản với nhau, và bên nào cũng có sở-trường và sở-đoản cả. Nhưng cái gốc thịnh-suy là bởi cái lối theo khác nhau. Người mình xưa kia chỉ biết trì-thủ một mặt đạo-đức mà không nghĩ đến sự tiến-thủ về đường tri-tuệ và khoa-học, thành thử lâu ngày cái tinh-thần hư-hỏng, đến nỗi cái sở-đoản không bỏ đi được mà cái sở-trường cũng mất mòn đi. Người ta thì cứ gắng sức tiến-thủ về đường tri-tuệ, tuy vẫn có cái sở-đoản, nhưng cái sở-trường càng ngày càng tăng lên. Bởi đó mà thành ra cuộc ưa-thắng của người và cuộc liệt-bại của mình vậy. Giá sử nay ta biết hồi tỉnh lại, cố gây lấy cái sở-trường của mình, và lại học thêm lấy cái sở-trường của người, thì chắc có thể dần dần gây lên cái tinh-thần tốt-đẹp mạnh-mẽ, đủ làm cho ta cũng cường-thịnh được. Là vì một đường ta không bỏ mất cái căn-bản đã tạo-tác ra tâm-linh của ta, một đường ta lại



học được thêm cái hay của người, để theo thời mà biến-đổi cho thích-hợp với cái lẽ đương-nhiên, như vậy thì dầu thể nào, cái kết-quả về sau cũng có phần hay được.

Nay ta muốn biết rõ cái sở-trường và cái sở-đoan của Nho-giáo, thì chỉ bằng ta thử xét kỹ xem cái nguyên-ủy từ đâu khởi-phát ra làm sao, về sau biến-đổi ra thế nào, và cách ta thi-hành cái đạo ấy sai-lầm từ đâu. Như thế ta có thể hiểu rõ được cái phần tinh-t túy của Nho-giáo và biết được tại làm sao mà thành ra hư-hỏng. Đó là cái chủ-đích của bộ sách này.

Ngày nay ta bàn đến Nho-giáo thì cũng chỉ xét những điều thiết-thực về đường luân-lý và chính-trị, chứ không mấy khi bàn đến phần đạo-lý tối cao của Nho-giáo. Thành thử ta chỉ hiểu được cái phần thiên-cận mà thôi, còn cái phần thâm-viễn thì vẫn mập-mờ không rõ. Vậy nên trước khi bàn đến Nho-giáo theo như chính-văn trong các Kinh-Truyện, ta hãy nói lược qua tổng-chỉ đạo ấy sở-chủ về những điều gì.

Nho-giáo là một học-thuyết có thống-hệ và có phương-pháp. Cái thống-hệ của Nho-giáo là theo cái chủ-nghĩa thiên địa vạn vật nhất thể và cái phương-pháp của Nho-giáo thường dùng là phương-pháp chứng-luận, lấy thiên-lý lưu hành làm căn-bản. Nhưng phải biết rằng học-thuật của ta thường hay chú-trọng ở lối dùng trực-giác. Sự tư-tưởng trong học-thuyết cũng như phương-pháp trong mỹ-thuật, phải dùng trực-giác mà xem cả toàn-thể, thì mới thấy cái tinh-thần. Nếu dùng lý-trí mà suy-xét từng bộ-phận một, thì thường không thấy rõ gì cả. Thí-dụ xem những bức hội-họa của Tàu, nếu lấy trực-giác mà xem, thì thấy có nhiều vẻ thần-diệu lắm, nhưng lấy cái lý-trí mà suy-xét, thì không ra thế nào cả. Vì rằng cái vẽ của Tàu chủ lấy cái đẹp cái khéo ở tinh-thần, chứ không cốt ở cái chân-hình bề ngoài. Có khi đối với cái hình-thức thì không được đúng lắm, nhưng đối với cái tinh-thần cả toàn thể, thì thật là tinh-xảo vô cùng. Về đường học-vấn cũng vậy, phần thì người Tàu thường hay theo trực-giác mà tư-tưởng, rồi rút các ý-từ vào mấy câu

tổng yếu rất văn-tắt để làm cốt, thành ra khi đọc những câu ấy phải lấy ý mà hiểu ra ngoài văn-từ mới rõ được hết các lẽ; phần thì lối chữ độc âm, tượng hình, tượng ý của Tàu khó khiến cách lập ngôn theo đúng được những sự vận-động của tư-tưởng và bực-bach được hết các ý-từ. Cũng bởi thế, cho nên mới nói rằng: bắt dĩ từ hại ý, nghĩa là xem sách phải lấy ý mà lĩnh-hội cho rõ cái tư-tưởng của người làm sách, chứ không nệ ở văn-từ mà bỏ sót ý. Lối Tây-học thì không thế, nhất nhất là phải theo lý-trí mà suy-luận, lần theo sự-lý nọ sang sự-lý kia, liên-tiếp dất-diu nhau. Cách lập ngôn lại sáng rõ, là nhờ lối văn-từ rất tinh-lẻ, dễ khiến, lời với ý lúc nào cũng theo sát nhau được, bao nhiêu sự vận-động của tư-tưởng cũng có thể tả rõ ra được phân-minh hết cả. Bởi thế cho nên những người đã quen lối Tây-học, xem sách Hán-tự, cho những học-thuyết của Tàu không có phương-pháp. Đó là bởi không hiểu rõ cái lối học của người Tàu, chủ ở sự phải suy-nghĩ ra mà hiểu, phải lấy ý mà hội, chứ không chủ ở sự theo lý-trí mà suy-luận và phudĩen hết cả ra ở văn-từ. Kỳ thực thì tư-tưởng của người Tàu vẫn có phương-pháp, nhưng phương-pháp ấy chỉ cốt ở trong tinh-thần cả toàn-thể, chứ không ở hình-thức từng bộ-phận có thể phân-tích ra được như lối văn-từ của Tây. Vậy muốn tìm cái phương-pháp của Nho-giáo, thì phải dùng trực-giác mà xem, phải lấy ý mà hội, thì thấy rõ mối liên-lạc trong các đoạn tư-tưởng, tuy về phần hình-thức thì lỏng-lẻo, rời-rạc, nhưng về phần tinh-thần thì suốt từ đầu đến cuối chỉ là một mà thôi.

Nho-giáo cho vũ-trụ sở dĩ có là vì có cái lý độc nhất tuyệt-đối. Lấy nghĩa cùng-tột hết cả, thì gọi lý ấy là Thái-cực; lấy nghĩa bao-quát khắp cả thế-gian, thì gọi là Thiên; lấy nghĩa làm chủ-tể và vạn vật thì gọi là Đế, hay là Thiên-đế. Song lý ấy siêu-việt vô cùng, không sao biết rõ được cái tinh-thể là thế nào, cho nên Nho-giáo công-nhận có lý ấy, rồi chỉ xét cái động-thể của lý ấy đã phát-hiện ra để làm tổng-chỉ. Tổng-chỉ ấy chủ ở đạo nhân, có sẵn cái trực-giác để hiểu lẽ biến-hóa của trời đất, khiến cho lúc nào cũng theo được lẽ ấy mà vẫn đặc kỳ trung. Ấy, đại-khái tổng-chỉ của Nho-giáo là thế. Nay nhân tiện ta xét qua cái

triết-học đã phát-hiện ra ở bên Tây, xem hai bên giống nhau và khác nhau thế nào.

Vào cuối thế-kỷ thứ IV và đầu thế-kỷ thứ V trước Tây-lich kỷ-nguyên, trong khi ở nước Tàu có Khổng-tử phát-huy ra cái học-thuyết của Nho-giáo thì ở bên Âu-tây có những nhà hiền-triết người xứ Hy-lạp như bọn ông Héraclite thuộc phái Ioniens cũng đề-xướng lên cái học-thuyết lấy sự biến-hóa trong vũ-trụ làm chủ-nghĩa, cho vạn vật chỉ có động, chứ không có tĩnh, và cho ngoài sự biến-hóa của vạn vật ra thì không có gì là thực cả.

Thuở ấy lại có những người như bọn Parménide và Zénon D'Elée thuộc phái Eléates xướng lên cái học-thuyết phản-đối với học-thuyết của phái Ioniens, cho vạn vật đều là ảo-ảnh cả, chỉ có cái lý độc nhất là thực có mà thôi. Hai phái ấy công-kích nhau rất kịch-liệt.

Cùng đồng thời với hai phái ấy, lại có Pythagore, tị-tử phái Pythagoriciens, lấy số-học mà lập ra cái học-thuyết theo chủ-nghĩa thiên-địa vạn vật nhất thể (panthéisme) cho vạn số cùng đồng một thể với cái lý độc nhất.

Sau những học-phái ấy, vào cuối thế-kỷ thứ V trước Tây-lich kỷ-nguyên có Socrate khởi xướng ra đạo nhân-sinh triết-học, lấy nhân-sự làm trọng, còn việc ngoài nhân-sự là việc của Trời, người ta chỉ nên chú-ý về sự tìm lẽ chi thiện trong đạo luân-lý để làm chuẩn-đích cho sự hành-vi ở đời. Ông lấy sự mình tự biết cái bản-tính của mình (connais-toi toi-même) làm cơ-bản sự học luân-lý.

Vậy đem những tổng-chỉ của các học-phái ấy ở Tây-phương mà so với tổng-chỉ của Nho-giáo, xem ra Nho-giáo có tổng-hợp được cả những lý-tưởng vừa nói trên kia. So với phái Ioniens thì Nho-giáo theo sự kinh-nghiệm mà nhận cái lẽ biến-hóa của vạn vật làm chân-lý, nhưng trên cái chân-lý ấy lại nhận có cái chân-lý tuyệt-đối là lý Thái-cực làm chủ-tể cả vũ-trụ. So với phái Eléates thì Nho-giáo tuy nhận có lý Thái-cực, nhưng cho lý ấy siêu-việt quá, nhân-tri không thể biết rõ được cái tĩnh-thể của lý ấy ra thế nào, vậy nên chỉ xét cái động-thể của lý ấy, cho vạn vật do sự biến-hóa của thiên-lý mà sinh ra, và vạn vật tuy không phải là cái

thực có tuyệt-đối thường-định, nhưng cũng là cái thực có tì-lệ vô thường.

Nho-giáo dùng Dịch-học, lấy cái vạch đứt và cái vạch liền mà biểu-thị sự biến-hóa của thiên-lý, và lấy số cơ-ngẫu mà tính ra vận-mệnh xoay-vần của thế-gian, tức là tương hợp với số-học của phái Pythagoriciens. Nhưng có một điều hơi khác là Nho-giáo cho vạn vật do Trời sinh ra, song vật nào cũng có tính-cách tự-do để hành-động, mà theo cho hợp thiên-lý, mà sau khi chết rồi, hình như cái tinh-thần vẫn còn giữ cái tính-cách đặc biệt mà lưu-hành, mà biến-hóa, chứ không hỗn-hợp hẳn vào Đại-loàn-thể, như cái lý-tưởng của học-phái « thiên-địa vạn vật nhất thể » ở bên Tây.

Nguyên cái học của Nho-giáo vẫn có hai phần: Phần hình-nhi-thượng học và phần hình-nhi-hạ học. Phần hình-nhi-thượng học thường là phần tâm-truyền (1) nói về những lẽ huyền-bí của tạo-hóa, thì đề riêng cho số ít người có tư-cách đặc biệt tự lĩnh-hội lấy được cái đạo-lý sâu-xa. Phần hình-nhi-hạ học tức là phần công-truyền nói về cái nhân-sinh triết-học, thì đem dạy chung cả cho mọi người. Khổng-tử có nói rằng ngài không giấu-giếm ai điều gì, nhưng phải hiểu rằng có điều ngài đem ra giảng-dạy hằng ngày, có điều ngài chỉ nói một vài lần rồi thôi, không nói nữa. Xem như thầy Tử-Cống nói: « Phu-tử chi ngôn tín! dữ thiên đạo, bất khả đắc uhi văn giả », thì rõ là cái đạo của ngài có một phần chỉ đề riêng cho những người tâm-đắc mà thôi. Môn-đề ngài có người nói trong sách Luận-ngữ rằng: « Tử hãn ngôn lợi dữ mệnh, dữ nhân » hoặc là: « Tử bất ngữ quái, lực, loạn, thần » v. v., là vì những điều ấy thuộc về cái học tâm-truyền, cho nên ngài ít nói đến. Cũng bởi thế những sách nói về thiên-đạo như kinh Dịch và sách nói về nhân-đạo như kinh Xuân-thu đều là sách dạy cái học tâm-

(1) Nên phân-biệt cái học tâm-truyền và cái học bí-truyền. Tâm-truyền là cái học nói những điều cao-siêu, rồi để người ta tự tâm hiểu lấy, chứ không giảng-dạy nhiều lời; bí-truyền là cái học đem cái bí-quyết của một pháp-thuật gì truyền riêng cho một vài người. Cái học bí-truyền có thể dịch ra tiếng Pháp là enseignement ésotérique và cái học tâm-truyền thì có thể dịch là enseignement intuitif.